

Số: 609/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

TRƯỜNG ĐH KHXH & NHÂN VĂN	
SỐ: 900	NGÀY: 20/6/2017
CHUYÊN:	

ĐẾN

**Về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;
Căn cứ Quyết định 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;
Căn cứ Kế hoạch chiến lược (KHCL) giai đoạn 2016-2020 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);
Căn cứ kết quả của Hội đồng thẩm định KHCL giai đoạn 2016-2020 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;
Căn cứ KHCL giai đoạn 2016-2020 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;
Căn cứ Tờ trình số 58/TTTr-KHTC ngày 26/6/2017 về việc phê duyệt KHCL của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;
Theo đề nghị của Trường Ban Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn với các nội dung đính kèm, bao gồm:

- Tầm nhìn;
- Sứ mạng;
- Mục tiêu giáo dục;
- Triết lý giáo dục;
- Mục tiêu chiến lược;
- Nội dung chiến lược và giải pháp triển khai chiến lược;
- Bộ chỉ tiêu kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 (KPIs).

Nội dung đính kèm là thành phần không tách rời của Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trường các Ban chức năng, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *nech*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.



Huỳnh Thành Đạt

**Phụ lục đính kèm Quyết định số 609/QĐ-ĐHQG ngày 29/6/2017
về việc phê duyệt Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn**

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

1. TẦM NHÌN 2030

Trường ĐH KHXH&NV là trường đại học nghiên cứu trong hệ thống ĐHQG-HCM, nằm trong tốp đầu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của Châu Á.

2. SỨ MẠNG

- Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, chất lượng cao, tạo ra những công trình NCKH tiêu biểu về khoa học xã hội và nhân văn;
- Có những đóng góp chiến lược cho sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước;
- Đi đầu trong xây dựng môi trường đại học tự do học thuật về khoa học xã hội và nhân văn.

3. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

Đào tạo những trí thức, những cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ có tài có đức, có kiến thức vừa rộng vừa sâu, kỹ năng nghề nghiệp, có năng lực nghiên cứu và ứng dụng, có khả năng tự duy độc lập, sáng tạo, có kỹ năng và thái độ học tập suốt đời, có trách nhiệm, lý tưởng và hoài bão phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử dân tộc, thích nghi với môi trường làm việc toàn cầu.

4. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Giáo dục toàn diện, khai phóng và đa văn hóa.

5. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC 2016-2020

Có những phát triển chiến lược về xây dựng nguồn lực, về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và xây dựng môi trường văn hoá đại học.

6. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC

6.1 Chiến lược 1: Phát triển nguồn nhân lực

Mục tiêu chung: Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực, nâng cao số lượng và chất lượng chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường ĐHKHXH&NV theo định hướng đại học nghiên cứu.

Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức: tăng tỉ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ cao, đội ngũ quản lý, chuyên viên có tính chuyên nghiệp cao.

- Rà soát, khắc phục cơ bản tình trạng không đồng bộ về đội ngũ giữa các ngành đào tạo.

- Chủ động xây dựng đội ngũ chuyên gia về các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Nhóm giải pháp:

- Xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch thực hiện công tác xây dựng, phát triển nhân sự theo từng năm học, phân bổ chỉ tiêu và giám sát việc thực hiện chỉ tiêu của các đơn vị, thay đổi cơ cấu giảng viên theo hướng tăng nhanh tỷ lệ tiến sĩ, thạc sĩ; thu hút các giảng viên được đào tạo ở các nước phát triển; xây dựng các tiêu chí cụ thể để thẩm định trình độ của giảng viên.

- Thực hiện nghiêm việc rà soát chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức; triển khai mạnh chương trình “hậu tuyển dụng”, xử lý kiên quyết, triệt để những trường hợp không đảm bảo các yêu cầu chuyên môn, trình độ chuyên môn. Về nguyên tắc, giảng viên phải có trình độ từ thạc sĩ trở lên mới được đứng lớp (trừ giảng viên giảng dạy ngoại ngữ không chuyên).

- Kết hợp việc xây dựng, kiện toàn các đơn vị mới với việc điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với điều kiện của các đơn vị cũng như định hướng phát triển của nhà trường; điều chỉnh công tác tuyển dụng, hạn chế tối đa việc giữ sinh viên ở lại trường làm công tác giảng dạy; trừ một số sinh viên xuất sắc giữ lại theo hướng học liên thông sau đại học kết hợp với công tác phục vụ tại khoa/bộ môn; hạn chế giảng viên thỉnh giảng.

- Thực hiện ký hợp đồng trách nhiệm với các giảng viên có trình độ cao ngoài trường song song với thu hút, tuyển dụng giảng viên, các nhà khoa học có trình độ chuyên môn tốt.

- Đẩy mạnh việc gửi cán bộ viên chức ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ; phát huy vai trò của hợp tác quốc tế để phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên.

- Phát huy năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ Tiến sĩ trở lên bằng nhiều cơ chế tổng hợp, phó giáo sư; xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu đãi cho giảng viên, nhà nghiên cứu; cải tiến công tác thi đua, khen thưởng, tạo đòn bẩy khuyến khích các cán bộ viên chức đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng bắt buộc định kỳ để nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý và chuyên viên, chú trọng đặc biệt việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản trị đại học, lý luận chính trị, tin học và ngoại ngữ.

6.2 Chiến lược 2: Đào tạo

Mục tiêu chung: Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành đào tạo, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và công tác quản lý đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tạo chuyển biến căn bản về chất lượng đào tạo; gắn đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học.

6.2.1 Đào tạo đại học

Mục tiêu cụ thể:

- Hoàn thiện thêm một bước cơ cấu ngành đào tạo theo mô hình đại học định hướng nghiên cứu.
- Chương trình đào tạo được nâng chất, tiếp cận mô hình CDIO. Tiếp tục xây dựng một số chương trình đào tạo đạt chuẩn khu vực AUN-QA.
- Xác lập quy mô đào tạo hợp lý đối với các phương thức và loại hình đào tạo; cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho xã hội.
- Có phương pháp giảng dạy hiện đại, sáng tạo.
- Tạo bước tiến mạnh mẽ trong quy trình quản lý đào tạo.

Nhóm giải pháp:

- Về cơ cấu ngành đào tạo
 - + Xây dựng và tạo điều kiện phát triển các ngành theo định hướng nghiên cứu. Xác định rõ các ngành theo định hướng ứng dụng để cập nhật chuẩn đầu ra.
 - + Đẩy mạnh việc triển khai đào tạo từ xa (ngành Việt Nam học) và thực hiện đào tạo song bằng với Trường Đại học Kinh tế - Luật.
 - + Mở rộng và phát huy hiệu quả các chương trình đào tạo liên kết với các trường đại học có uy tín của nước ngoài.
- Về chương trình đào tạo
 - + Tiếp tục chuẩn hoá chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo, tiếp cận mô hình CDIO.
 - + Tăng cường tính liên thông trong chương trình đào tạo giữa các khối ngành, ngành; thực hiện liên thông với các trường thành viên trong ĐHQG-HCM.
 - + Tập trung xây dựng một số chương trình đào tạo đạt chuẩn khu vực AUN-QA (Văn học, Giáo dục học, Công tác xã hội, Nhật Bản học, Xã hội học, Địa lý...).
- Về quy mô đào tạo
 - + Ổn định quy mô đào tạo hệ chính quy, ưu tiên chỉ tiêu cho các ngành mới, có nhu cầu xã hội cao.
 - + Duy trì hợp lý quy mô đào tạo hệ vừa làm vừa học, nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương Tây Nam Bộ, Trung Bộ và TP. HCM.
 - + Phát triển quy mô các loại hình đào tạo văn bằng 2, liên thông, đào tạo từ xa.
 - + Tăng cường các chương trình liên kết đào tạo với các đối tác mới trong nước và nước ngoài.
- Về phương pháp giảng dạy
 - + Định kỳ tổ chức hội nghị chất lượng cấp trường và hội thảo/seminar cấp khoa/bộ môn về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại.
 - + Xác lập quy trình nâng cao trình độ của giảng viên; thường xuyên tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá.

- Về quản lý đào tạo
 - + Nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, chuyên viên quản lý và phục vụ đào tạo.
 - + Vận hành hệ thống thông tin quản lý đào tạo hiện đại.
 - + Tăng cường cơ chế phối hợp giữa cấp trường và cấp khoa/bộ môn trong quản lý đào tạo.

6.2.2 Đào tạo sau đại học

Mục tiêu cụ thể:

- Đẩy mạnh cơ cấu đa ngành, liên ngành, mỗi ngành đều có chương trình đào tạo sau đại học bên cạnh chương trình đào tạo đại học (trừ các ngành dạy tiếng).
- Chương trình đào tạo đảm bảo nội dung theo khung chương trình chuẩn quốc gia, cập nhật, mềm dẻo, liên thông, hội nhập quốc tế; Phát triển hợp lý quy mô đào tạo, phù hợp với đại học-nghiên cứu.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, nghiên cứu, tăng cường kiểm định chất lượng, hoàn thiện quy trình quản lý.

Nhóm giải pháp:

- Củng cố, hoàn thiện các chương trình đào tạo khoa học cơ bản (Triết học, Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ học, Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Địa lý, Tôn giáo học...).
- Chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo mang tính ứng dụng cao đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ công cuộc phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, nhất là khu vực Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- Ưu tiên phát triển các ngành có khả năng thu hút học viên quốc tế và có khả năng liên kết khu vực, quốc tế cao.
- Tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ; chuẩn hoá chất lượng các chương trình đào tạo, gắn đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế; thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển đại học nghiên cứu.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của chương trình đào tạo, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và khả năng tư duy khoa học độc lập của học viên.
- Xây dựng một số ngành, chuyên ngành đào tạo sau đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế.
- Đổi mới việc đánh giá các chuyên đề, đề cương nghiên cứu; đánh giá chất lượng tất cả các chương trình đào tạo sau đại học.

6.3 Nghiên cứu khoa học

Mục tiêu chung:

Xây dựng nền tảng của một đại học định hướng nghiên cứu; phát triển mạnh và gắn kết nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu liên ngành nhằm tạo ra những sản phẩm khoa học có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao để phục vụ cho công cuộc CNH, HĐH của khu vực phía Nam, và cả nước cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách và phân biện xã hội; xây dựng một số lĩnh vực mũi nhọn, được công nhận ở tầm quốc gia và tiến đến được công nhận ở tầm quốc tế; gắn kết KHCN với đào tạo.

Mục tiêu cụ thể:

- Về hướng nghiên cứu

+ Nghiên cứu cơ bản: Tập trung xây dựng các đề tài nghiên cứu lớn mang tính liên ngành với sự tham gia của nhiều ngành khoa học, tạo cơ sở khoa học cho việc xây dựng cơ chế quản lý, chiến lược phát triển, nghiên cứu dự báo những vấn đề của KHXH&NV, các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước trong nửa đầu thế kỷ XXI.

+ Nghiên cứu ứng dụng: Hướng hoạt động nghiên cứu vào việc giải quyết những vấn đề cấp thiết của TP.HCM, khu vực Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; những vấn đề quan trọng của Việt Nam học, Biển- đảo và Nam Bộ học.

+ Gắn các hướng nghiên cứu của ĐHQG TP.HCM, nhà trường, khoa/bộ môn, của giáo sư hướng dẫn học viên, sinh viên với đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học.

- Về xây dựng năng lực nghiên cứu

+ Từng bước xây dựng các trường phái nghiên cứu khoa học theo ngành và liên ngành của Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG TP.HCM mang bản sắc riêng; gắn các vấn đề của Việt Nam với các chủ đề của giới nghiên cứu KHXH&NV trên thế giới.

+ Xây dựng những nhóm nghiên cứu tiêu biểu, có uy tín trong nước lẫn quốc tế; xây dựng cộng đồng nghiên cứu mạnh, môi trường học thuật phát triển.

+ Xây dựng và tham gia các chương trình khoa học trong lĩnh vực KHXH&NV và các lĩnh vực có liên quan của quốc gia, các đề tài nghiên cứu trọng điểm của ĐHQG TP.HCM và các trung tâm, viện nghiên cứu, của TP.HCM và các địa phương Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

+ Tăng cường hiệu quả ứng dụng của hoạt động nghiên cứu khoa học trên cả hai bình diện: lý thuyết và thực tiễn. Chú trọng việc đưa các sản phẩm nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực KHXH&NV phục vụ cho việc phát triển kinh tế, quản lý xã hội.

- Về tổ chức nghiên cứu, công bố khoa học và sở hữu trí tuệ

+ Đa dạng hoá các sản phẩm khoa học, thúc đẩy việc công bố các công trình trên các tạp chí khoa học, đặc biệt là các tạp chí khoa học của khu vực và quốc tế; xây dựng và thực hiện quy chế về công bố khoa học đối với các đề tài nghiên cứu khoa học ở tất cả các cấp; nâng cao chất lượng khoa học của các bài báo công bố trên các tạp chí chuyên ngành, đặc biệt là tạp chí quốc tế.

+ Tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học có nội dung nghiên cứu các vấn đề lý thuyết, khoa học cơ bản, các vấn đề phục vụ cộng đồng gắn với các địa bàn nghiên cứu trọng điểm; tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác với các viện, các trường đại học, các Sở Khoa học và Công nghệ ở các địa phương.

+ Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền sở hữu tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

Nhóm giải pháp:

- Về hướng nghiên cứu

+ Tập trung đầu tư những đề tài có ứng dụng thiết thực cho hoạt động giảng dạy và phục vụ xã hội. Ưu tiên xét duyệt các đề tài gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo, các

đề tài có sự tham gia của sinh viên, học viên sau đại học và giảng viên trẻ; gắn kết đề tài cấp nhà nước, cấp trọng điểm ĐHQG với các đề tài luận văn, luận án sau đại học.

- + Phân cấp các đối tượng nghiên cứu, phân cấp đề tài, phân cấp lĩnh vực nghiên cứu trong xét chọn đề tài. Ưu tiên xét duyệt những đề tài có tính mới, tính lý luận và giá trị thực tiễn cao.

- + Tổ chức điều đặn và nâng cấp các hội thảo khoa học. Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu bằng các dự án trong nước và nước ngoài.

- + Tăng cường các chương trình khoa học trong lĩnh vực KH&NV phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá tại TP.HCM, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nghiên cứu biển và đảo Việt Nam, khu vực Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng như phục vụ thiết thực cho hoạt động đào tạo.

- Về xây dựng năng lực nghiên cứu

- + Thành lập và phát huy vai trò của các nhóm nghiên cứu những lĩnh vực thuộc thế mạnh truyền thống của trường như: Ngôn ngữ - Văn học; Lịch sử - Nhân học - Khảo cổ; Triết học - Xã hội học; Văn hoá học; Địa lý - Đô thị - Môi trường, Việt Nam học - Khu vực học, Biển và đảo Việt Nam, Nghiên cứu về Trung Quốc, Mỹ, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, Úc... Tạo điều kiện và phát huy tối đa năng lực nghiên cứu của các giáo sư đầu ngành. Có chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm thu hút cán bộ nghiên cứu; ưu tiên tuyển chọn, giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho các nhóm nghiên cứu đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực, kinh nghiệm, hoài bão, có định hướng khoa học đúng, phù hợp với xu hướng quốc tế và phục vụ thiết thực cho sự phát triển của Việt Nam.

- + Liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu tại TP.HCM và cả nước trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên phát triển các dự án nghiên cứu do các tổ chức chính phủ, phi chính phủ nước ngoài đặt hàng, tài trợ hoặc cùng thực hiện với các nhà khoa học quốc tế song song với những đề tài trong nước, đề tài do doanh nghiệp trong nước đặt hàng hoặc liên kết nghiên cứu.

- + Tạo điều kiện cơ sở vật chất, nhân sự cho các trung tâm nghiên cứu; ưu tiên cho các trung tâm đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học giải quyết những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra cho TP.HCM, cho khu vực. Tập trung phát triển *Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á, Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế, Trung tâm Hàn Quốc học, Trung tâm Nghiên cứu Tôn giáo, Trung tâm Nghiên cứu chiến lược và chính sách quốc gia, Trung tâm Nghiên cứu Hán - Nôm, Trung tâm nghiên cứu Biển đảo* trở thành những trung tâm nghiên cứu cơ bản mạnh. Xây dựng *Trung tâm Nghiên cứu Đông - Tây, Trung tâm nghiên cứu Ấn Độ, Trung tâm nghiên cứu Hoa Kỳ, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản, Trung tâm nghiên cứu Nga, Trung tâm nghiên cứu châu Âu, Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc hiện đại...* Tiếp tục xây dựng, củng cố và thúc đẩy các trung tâm nghiên cứu, trung tâm dịch vụ khoa học hoạt động theo định hướng liên thông đào tạo - nghiên cứu khoa học - dịch vụ.

- + Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học bằng các dự án trong nước và nước ngoài. Chú trọng hơn đến hoạt động chuyển giao kết quả nghiên cứu để tăng nguồn thu cho ngân sách nghiên cứu và nâng cao khả năng ứng dụng của các công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực KH&NV.

- Về công bố nghiên cứu khoa học và sở hữu trí tuệ

- + Tiếp tục duy trì các chính sách về hỗ trợ, khen thưởng, kỷ luật để khuyến khích công bố khoa học.
- + Yêu cầu công bố các kết quả nghiên cứu trong nước và quốc tế.
- + Công bố nội dung các luận văn, luận án trên trang web của trường; khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu rút ra từ các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.
- + Ban hành quy định cụ thể liên quan đến sở hữu trí tuệ trong Trường; liên quan đến năng lực, yêu cầu nghiên cứu khoa học đối với từng loại cán bộ, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên cao học.

6.4 Chiến lược 4: Hợp tác quốc tế

Mục tiêu chung:

Nâng cao uy tín và vị thế của Trường KHXH&NV– ĐHQG-HCM theo định hướng một trường đại học nghiên cứu trong khu vực và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế.
- Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, ngang tầm khu vực, từng bước đạt trình độ quốc tế;
- Củng cố, mở rộng và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực;

Nhóm giải pháp:

- Cải tiến và nâng cao trình độ quản lý hành chính hoạt động hợp tác quốc tế

- + Củng cố cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên nghiệp hóa và năng lực tác nghiệp của các bộ phận chuyên môn.
- + Xây dựng và triển khai các lớp tập huấn thường xuyên về công tác hợp tác quốc tế. Có quy định và chế độ cụ thể cho cán bộ và nhân viên hợp tác quốc tế học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn nghiệp vụ (nhất là các kỹ năng mềm).
- + Tin học hóa hoàn toàn công tác lưu trữ, xử lý và quản lý thông tin, dữ liệu về các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường.

- Nâng cao năng lực hợp tác quốc tế của nhà trường theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế

- + Xây dựng và thể chế hóa một chương trình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ của trường, có quy định cụ thể về trình độ ngoại ngữ cho các giảng viên, cán bộ ở từng chức vụ, chức danh khác nhau.
- + Xây dựng và thể chế hóa các quy định về phân công trách nhiệm và quy chế phối hợp trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế ở các đơn vị trong trường;
- + Nâng cao năng lực hợp tác và quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của các khoa, bộ môn trong trường.

- Củng cố và phát triển các chương trình liên kết đào tạo:

- + Phân định cụ thể các loại hình liên kết đào tạo (dài hạn và ngắn hạn); từ đó phân công cho bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện và quản lý, theo dõi cụ thể;
- + Củng cố, phát triển Trung tâm Đào tạo Quốc tế; duy trì và củng cố chiều sâu 7 chương trình liên kết, hợp tác và phối hợp đào tạo đang được triển khai;
- + Tiếp tục xúc tiến và hỗ trợ các khoa làm việc với đối tác để xây dựng và triển khai các chương trình liên kết đào tạo;
- + Hoàn thiện các khóa học đặc biệt thường xuyên bằng tiếng Anh với các chủ đề khác nhau như kinh tế, văn hóa, lịch sử, địa lý, xã hội, dân tộc Việt Nam, các tour văn hóa nhằm đa dạng hóa và đẩy mạnh các chương trình study abroad với các trường tiềm năng.
- + Mở rộng hoạt động hỗ trợ du học đến các trường viện thuộc quốc gia là đối tác chiến lược của trường như Mỹ, Anh, Úc, Đức, Hàn quốc, Nhật bản.

- Tăng cường trao đổi sinh viên, học bổng du học và hợp tác giao lưu văn hóa

- + Nâng cao chuẩn đầu ra ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh) để giúp sinh viên có thêm cơ hội cạnh tranh trong các chương trình học bổng, trao đổi sinh viên của các trường, viện đối tác quốc tế;
- + Củng cố và mở rộng các chương trình trao đổi sinh viên, học bổng du học và giao lưu quốc tế cho sinh viên qua việc phát triển các thỏa thuận hợp tác với các đối tác quốc tế;
- + Tranh thủ các nguồn hỗ trợ tài chính từ các đối tác, cơ quan ngoại giao, các tổ chức nhằm giúp sinh viên có thêm cơ hội tài chính để tham gia các chương trình.

- Củng cố và phát triển các chương trình trao đổi giảng viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh và giáo viên tình nguyện

- + Tiếp tục phát triển các chương trình trao đổi giảng viên ngắn hạn và dài hạn qua việc tìm kiếm thông tin và đặt quan hệ, đàm phán với các viện, trường, cơ quan và lãnh sự quán, đại sứ quán;
- + Thúc đẩy các khoa/bộ môn xây dựng kế hoạch về nhu cầu tiếp nhận, lĩnh vực cần hỗ trợ và khả năng đóng góp của các giảng viên nước ngoài;
- + Hoàn thiện quy trình, quy chế tiếp nhận, hỗ trợ và giám sát nghiên cứu sinh và học giả nước ngoài;

- Tăng cường hợp tác phát triển nghiên cứu khoa học và dự án quốc tế

- + Xây dựng một ngân hàng các hướng nghiên cứu chiến lược và các đề tài nghiên cứu chính, là thế mạnh nghiên cứu của trường trong giai đoạn 2016-2020 để kêu gọi sự tham gia của các học giả, các nhà nghiên cứu các viện trường đối tác quốc tế trong việc phối hợp, xây dựng các dự án nghiên cứu khoa học mang tính khu vực và quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn;
- + Xây dựng các hướng phát triển dự án quốc tế trên các lĩnh vực nghiên cứu, phát triển nguồn nhân lực, phát triển cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo làm cơ sở đàm phán và tranh thủ nguồn tài trợ từ các đối tác;
- + Tận dụng nguồn giảng viên, học viên và nghiên cứu sinh quốc tế để phát triển mối quan hệ với các đối tác trong xây dựng dự án, chương trình nghiên cứu quốc tế.

6.5 Chiến lược 5: Công tác chính trị - tư tưởng, công tác sinh viên và xây dựng văn hóa đại học

Mục tiêu chung

- Nâng cao bản lĩnh chính trị - tư tưởng, góp phần tạo sự thống nhất, đồng thuận, phát huy tính chủ động sáng tạo của mọi thành viên để xây dựng và phát triển Nhà trường.
- Tăng cường tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong công tác sinh viên; xây dựng hình mẫu sinh viên trường ĐHKHXH&NV với các tiêu chí: có lòng yêu nước, ý thức công dân, bản lĩnh chính trị vững vàng; có hiểu biết và kỹ năng hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, văn hóa và tác phong hiện đại; có tinh thần tình nguyện, trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội.
- Tạo dựng được môi trường văn hoá đại học tự do học thuật, tự chủ, sáng tạo, nhân văn.

6.5.1 Công tác chính trị - tư tưởng

Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng thế giới quan và phương pháp luận khoa học trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Nâng cao bản lĩnh chính trị, giá trị đạo đức và bồi dưỡng niềm tin, năng lực hoạt động thực tiễn cho cán bộ, viên chức, giảng viên, sinh viên;
- Thực hiện sâu rộng triết lý giáo dục của trường: toàn diện, khai phóng, đa văn hóa;
- Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự kỷ cương, an toàn xã hội.

Nhóm giải pháp

- **Công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục truyền thống cách mạng:**
 - + Tổ chức quán triệt, học tập, phổ biến sâu rộng các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kết hợp với việc cập nhật kịp thời những vấn đề thời sự chính trị-xã hội quan trọng trong nước và quốc tế.
 - + Giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong gắn với việc "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*", ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, viên chức, giảng viên, sinh viên của Nhà trường.
 - + Đẩy mạnh triển khai giáo dục, tuyên truyền và tôn vinh những giá trị truyền thống của Trường trong 60 năm hình thành và phát triển qua các thời kỳ Văn khoa – Tổng hợp – Xã hội Nhân văn.
 - + Chăm lo các hoạt động văn hoá, văn nghệ nhằm thoả mãn nhu cầu tinh thần của cán bộ, viên chức, giảng viên, sinh viên, qua đó giáo dục đạo đức, lối sống, phát huy truyền thống cách mạng, gắn với việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc;
 - + Giáo dục cán bộ, viên chức, giảng viên, sinh viên của Nhà trường nâng cao cảnh giác, tham gia đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn và hành động “diễn biến hoà bình” gây bạo loạn, lật đổ, bảo vệ chế độ, bảo vệ chủ quyền quốc gia, củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.
- **Công tác tuyên truyền, cổ động**
 - + Chỉ đạo, hướng dẫn, cổ vũ thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước và các

phong trào xã hội khác.

- + Coi trọng việc bồi dưỡng, nêu gương, nhân rộng các điển hình, nhân tố mới, nhằm cổ vũ hành động của mọi người, mọi bộ phận trong trường biến nhận thức tư tưởng thành niềm tin, hành động cụ thể, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Kế hoạch chiến lược trong từng năm và toàn giai đoạn.

- **Nắm bắt tình hình dư luận xã hội, đấu tranh tư tưởng**

- + Nắm bắt dư luận xã hội và định hướng tư tưởng dư luận xã hội trong cán bộ, viên chức, giảng viên, sinh viên; kịp thời phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, tin đồn và tài liệu xấu lan truyền, phát tán trong Trường.

- + Tập trung xử lý các kiến nghị, khiếu nại, nhất là những vấn đề liên quan đến tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mất dân chủ, thiếu kỷ cương trong Trường.

- **Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng – lý luận**

- + Quy hoạch đội ngũ, bảo đảm có các loại hình, các thế hệ cán bộ tuyên giáo nối tiếp nhau; có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn đối với cán bộ làm công tác tư tưởng – lý luận.

- + Lựa chọn các sinh viên có nhận thức chính trị tốt, tích cực, học lực khá trở lên tham gia và công tác tư tưởng lý luận trong sinh viên.

6.5.2 Công tác sinh viên

Mục tiêu cụ thể

- Đảm bảo tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với sinh viên. Triển khai đồng bộ và hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ công tác sinh viên theo các qui chế, quy định hiện hành;

- Xây dựng, triển khai các chương trình giáo dục rèn luyện, hoạt động phong trào sinh viên theo 4 trụ cột:

- + Giáo dục chính trị, truyền thống, văn hóa dân tộc
- + Nâng cao kỹ năng hội nhập quốc tế
- + Nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn của sinh viên
- + Chuẩn hóa chương trình tình nguyện, công tác xã hội

- Phát triển tư tưởng khởi nghiệp trong sinh viên

Nhóm giải pháp

- **Triển khai đồng bộ nội dung, nhiệm vụ định kỳ hàng năm của CTSV:**

- + Xây dựng kế hoạch định kỳ hàng năm về CTSV; phân công, giám sát các bộ phận phụ trách triển khai từng mảng công tác và đẩy mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận;

- + Thực hiện nghiêm túc đánh giá việc thực hiện CTSV ở các đơn vị và toàn trường.

- **Giáo dục chính trị, truyền thống, văn hóa dân tộc:**

- + Thực hiện các chuyên đề giáo dục chính trị- tư tưởng cho sinh viên thông qua Tuần sinh hoạt công dân HS, SV đầu khoá, đầu năm, cuối khoá hàng năm; chương trình

“Đối thoại cùng phát triển” giữa lãnh đạo Nhà trường, các phòng ban chức năng, Đoàn TN – Hội SV trường với sinh viên; xử lý kiên quyết đối với các trường hợp thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật, ý thức công dân kém, vi phạm pháp luật, nội quy.

- + Tổ chức tốt các sự kiện quan trọng, các ngày lễ lớn của đất nước với các phương thức phong phú, tạo các sân chơi có nội dung thiết thực...; qua đó thực hiện công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, lịch sử truyền thống.

- + Tổ chức các sân chơi lễ hội, các hoạt động tham quan, du khảo, nghiên cứu văn hóa, giới thiệu các loại hình nghệ thuật truyền thống và hiện đại, nâng cao ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nâng cao năng lực, kỹ năng hội nhập quốc tế

- + Phát huy đặc trưng thế mạnh của Nhà trường, kết hợp giáo dục chính qui với các hình thức ngoại khoá như tổ chức các CLB giao lưu quốc tế, sân chơi ngoại ngữ..., nhằm tăng cường năng lực ngoại ngữ và hiểu biết đa văn hoá cho sinh viên.

- + Tăng cường giáo dục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phối hợp làm việc với sinh viên người nước ngoài. Quảng bá hình ảnh, lịch sử, truyền thống Trường ĐHKHXH&NV đến bạn bè quốc tế.

- + Tăng cường trao đổi kinh nghiệm công tác quản lý sinh viên, các dịch vụ hỗ trợ sinh viên... với các tổ chức giáo dục nước ngoài đến thăm và làm việc tại trường.

- Nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn của sinh viên

- + Đảm bảo thực hiện các tiêu chí chuẩn đầu ra của sinh viên trường ĐHKHXH&NV: vững về kiến thức chuyên môn, giỏi về kỹ năng, chuẩn mực về thái độ.

- + Tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên trong chương trình chính khóa và ngoại khóa.

- + Quan tâm và tổ chức tốt công tác tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ học bổng và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên....

- Chuẩn hóa hoạt động tình nguyện, công tác xã hội

- + Giáo dục sinh viên tinh thần tình nguyện, ý thức vì cộng đồng; nâng cao ý thức trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội;

- + Tích cực triển khai thực hiện và nỗ lực tìm kiếm mô hình mới theo hướng chuyên sâu cho các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội thiện nguyện. Tiến tới xây dựng mô hình học kỳ hè rèn luyện kỹ năng thực hành xã hội cho sinh viên thông qua các chiến dịch tình nguyện hè do Đoàn TN – Hội SV trường tổ chức.

- Các chương trình phát triển tư tưởng khởi nghiệp

- + Tổ chức các buổi giao lưu với những người thành công trong công việc để sinh viên được trao đổi, được chia sẻ kinh nghiệm, từ đó giúp sinh viên lập kế hoạch phát triển cá nhân

- + Đẩy mạnh thông tin, truyền thông, Thành lập nhóm tư vấn, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp gồm các chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan đến các ngành đào tạo của nhà trường

- + Xây dựng chương trình hỗ trợ đào tạo phát triển tư tưởng khởi nghiệp, Tạo các group khởi nghiệp để sinh viên chia sẻ, trao đổi, hợp tác

+ Tạo môi trường hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, Thành lập quỹ hỗ trợ sv khởi nghiệp để hỗ trợ những ý tưởng khả thi....

6.5.3 Xây dựng văn hóa đại học

Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng môi trường văn hoá đại học tự do học thuật, tự chủ, sáng tạo, nhân văn.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc với tinh thần trách nhiệm, chuyên nghiệp; ứng xử lịch sự văn minh.
- Tạo dựng không gian đại học văn minh, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

Nhóm giải pháp

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các qui chế, qui định trong Nhà trường theo hướng tự chủ, nhân văn.
- Nghiên cứu, xây dựng bộ tiêu chí về văn hoá đại học trong từng nhóm đối tượng và trong từng lĩnh vực hoạt động của Trường.
- Tiếp tục xây dựng và phát triển không gian lịch sử và mỹ thuật đại học ở hai cơ sở của Nhà trường.
- Đẩy mạnh triển khai các hoạt động xây dựng văn hoá đại học trong sinh viên, như “10 tiêu chí ứng xử văn hoá sinh viên”, “Tác phong cán bộ Đoàn, Hội sinh viên Nhân văn”, “Mùa thi trung thực”, “Sức trẻ Nhân văn vươn ra biển lớn”...

6.6 Chiến lược 6: Cơ sở vật chất, tài chính

Mục tiêu chung:

Hiện đại hóa và hiệu quả hoá trong đầu tư xây dựng cơ bản, trong công tác tài chính và quản trị thiết bị giáo dục. Đáp ứng ngày một tốt hơn cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính phù hợp với sự phát triển của nhà trường theo định hướng đại học nghiên cứu; từng bước nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức.

6.6.1 Cơ sở vật chất

Mục tiêu cụ thể

- Đáp ứng một cách tốt nhất về cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp yêu cầu phát triển theo tiêu chí đồng bộ với quy mô và chất lượng đào tạo của Nhà trường.
- Phấn đấu đến năm 2020, hoàn thành dự án thành phần QG-HCM-08 trên cơ sở đối ứng (Hợp đồng BT) từ dự án Hợp tác đầu tư xây dựng chuyển đổi công năng cơ sở 10-12 Đinh Tiên Hoàng.
- Triển khai dự án Hợp tác đầu tư xây dựng cơ sở 10-12 Đinh Tiên Hoàng để tạo nguồn kinh phí đối ứng cho dự án QG-HCM-08.
- Nâng cao hiệu quả trong đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Nhóm giải pháp

- Đổi mới phương thức triển khai công tác xây dựng cơ bản: lập kế hoạch đồng bộ các công đoạn phối hợp chặt chẽ với các tổ chức liên quan để tăng tốc công tác xây dựng cơ bản.
- Ưu tiên sử dụng các nguồn kinh phí thường xuyên và tài trợ vào trang bị phương tiện giảng dạy để có thêm nhiều phòng học chất lượng cao theo chuẩn khu vực.
- Tổ chức triển khai quy hoạch xây dựng cơ sở Đỉnh Tiên Hoàng theo phương thức hợp đồng BT.
- Phối hợp chặt chẽ với phòng đào tạo, kế hoạch - tài chính để triển khai công tác tăng cường cơ sở vật chất theo hướng: thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.
- Tranh thủ sự hỗ trợ tích cực từ ĐHQG và các đơn vị có liên quan để sớm hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng và triển khai các dự án đầu tư công.

6.6.2 Tài chính

Mục tiêu cụ thể

- Tăng cường các nguồn lực tài chính, cả về quy mô và cơ cấu.
- Các nguồn lực tài chính được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác của nhà trường với quy mô ngày càng phát triển; hướng đến từng bước tăng cường cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao thu nhập cho CBVC.

Nhóm giải pháp

- Ngân sách nhà nước: đẩy mạnh công tác xây dựng dự án thành phần QG-HCM-08 nhằm giải ngân đúng tiến độ; Đẩy mạnh việc xây dựng các dự án phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học sử dụng kinh phí nhà nước.
- Nguồn thu sự nghiệp: Điều chỉnh mức thu học phí các hệ đào tạo theo chính sách mới của Nhà nước (cơ chế tự chủ tài chính) mở rộng hoạt động loại hình trung tâm, dịch vụ và hoạt động liên kết đào tạo trong và ngoài nước, kể cả các loại hình đào tạo ngắn hạn nhằm tăng nguồn thu. Khai thác các thế mạnh của trường để tìm kiếm các nguồn tài trợ quốc tế và trong nước.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng các biện pháp thiết thực. Cân đối hợp lý cơ cấu chi cho con người, cơ sở vật chất, nghiệp vụ chuyên môn và chi khác. Kế hoạch hoá việc sử dụng các nguồn kinh phí ở các đơn vị trong trường. Thực hiện việc công khai tài chính theo quy định.

6.7 Chiến lược 7: Quản trị đại học và đảm bảo chất lượng

Mục tiêu chung: Nâng cao chất lượng quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế quốc tế; chuẩn hoá, quy trình hoá, tin học hoá hoạt động của hệ thống quản lý các cấp, có hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong trường đại học hoạt động hiệu quả; chuyển dần từ mô hình tự chủ từng phần thành đại học tự chủ toàn phần.

6.7.1 Quản trị đại học

Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng quản trị đại học theo mô hình quản trị hiện đại, phù hợp với xu thế quản trị đại học thế giới, phù hợp với vai trò và vị trí của Trường ĐHKHXH&NV trong hệ thống ĐHQG-HCM.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Nhà trường; thành lập các khoa/bộ môn trực thuộc phù hợp với chiến lược phát triển của trường.

- Chuẩn hoá, quy trình hoá, tin học hóa quản trị đại học.

Nhóm giải pháp

- Nâng cao năng lực quản trị đại học từ cấp trường đến cấp phòng/ban, khoa/bộ môn; tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ CBVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động hành chính.

- Xây dựng cơ cấu tổ chức theo hướng tự chủ, tổ chức và hoạt động theo cơ chế mở và liên thông, liên kết trong sự quản lý và điều phối thống nhất của ĐHQG-HCM; tăng cường liên thông liên kết cả ở trong nước lẫn ngoài nước.

- Xây dựng các tổ chức, đơn vị cần thiết và phù hợp với nhu cầu phát triển của trường.

- Nâng cao hình ảnh của Trường ĐHKHXH&NV trong hệ thống giáo dục Việt Nam, khu vực và quốc tế.

- Hoàn thiện dự án Hệ thống thông tin quản trị đại học.

6.7.2 Đảm bảo chất lượng

Mục tiêu cụ thể

- Có phần mềm tích hợp cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng hiệu quả, phục vụ cho công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài và ra quyết định cải tiến theo các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;

- Được đánh giá ngoài chính thức cấp trường theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT và Bộ tiêu chuẩn AUN-QA của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á, đạt chuẩn quốc gia và khu vực về chất lượng trường đại học

- Có thêm ít nhất 05 chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn AUN-QA;

- Văn hóa chất lượng được phát triển đồng bộ ở tất cả các đơn vị.

Nhóm giải pháp

- Hệ thống cơ sở dữ liệu

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu cần cho công tác tự đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn trên cơ sở các minh chứng/chỉ số và các quy trình cần thiết.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu cho các mảng hoạt động của Trường.

- Đảm bảo chất lượng cấp trường và xây dựng văn hóa chất lượng đồng bộ

+ Triển khai chiến lược phát triển đảm bảo chất lượng của Trường và hỗ trợ kinh phí đủ để duy trì và phát triển mảng công tác đảm bảo chất lượng;

+ Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng: Tham mưu và phối hợp tổ chức thực hiện chiến lược phát triển ĐBCL của Trường; định kỳ hàng năm kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng, có những điều chỉnh kịp thời và cần thiết để đảm bảo triển khai thành công các kế hoạch đã đề ra trong chiến lược;

+ Các đơn vị: Xây dựng đội ngũ chuyên trách ổn định cho Tổ đảm bảo chất lượng của đơn vị; thực hiện nghiêm và có chất lượng các mảng công tác theo nhiệm vụ và chức năng, trên cơ sở rà soát và đánh giá kết quả thực hiện công tác và kế hoạch đảm bảo chất lượng của mỗi năm học, của mỗi giai đoạn phát triển ở từng đơn vị;

+ Để được đánh giá ngoài chính thức và đạt chuẩn quốc gia, khu vực về chất lượng đào tạo theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á: (1) xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong trường đại học; (2) Tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Bộ GD&ĐT và AUN (định kỳ 5 năm/1 lần); rà soát giữa kỳ (2,5 năm/ 1 lần) và tham gia kiểm định theo yêu cầu của ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT; (3) đảm bảo và nâng cao tính hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến phản hồi của người học và đồng nghiệp cho các hình thức đào tạo và bậc học; (4) sử dụng một cách tốt nhất ý kiến phản hồi làm cơ sở nâng cao chất lượng mọi mặt hoạt động và (5) tổ chức hội thảo đảm bảo chất lượng và hội nghị chất lượng (2 năm/1 lần).

- Đảm bảo chất lượng cấp chương trình đào tạo

+ Để có chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn AUN-QA: dựa trên 11 tiêu chuẩn đánh giá chương trình đào tạo theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA, các khoa/bộ môn tự đánh giá chương trình đào tạo trong 5 năm thực hiện chiến lược phát triển công tác đảm bảo chất lượng của Trường; mỗi năm có từ 1-2 chương trình đào tạo tự đánh giá được đánh giá ngoài nội bộ cấp ĐHQG-HCM và cấp AUN theo Bộ Tiêu chuẩn AUN-QA.

6.7.3 Truyền thông và tổ chức sự kiện

Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện việc xây dựng, quảng bá thương hiệu, uy tín của Nhà trường phù hợp với các định hướng phát triển.

- Thông qua công tác tư vấn tuyển sinh, thực hiện tốt việc giới thiệu các thành quả đào tạo, nghiên cứu, qua đó giới thiệu đến xã hội, học sinh các ngành đào tạo.

- Tổ chức chuyên nghiệp các sự kiện lớn của Nhà trường, góp phần xây dựng thương hiệu.

Nhóm giải pháp

- Xây dựng bộ công cụ quảng bá thương hiệu, gồm: bộ nhận diện thương hiệu Trường, phim giới thiệu, tài liệu giới thiệu về Trường... và triển khai áp dụng, quảng bá.

- Thiết lập mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông nhằm phối hợp quảng bá các thành quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện để các nhà khoa học là các chuyên gia các ngành tham gia vào việc góp ý, xây dựng chính sách phát triển xã hội.

- Phối hợp với các đơn vị tổ chức sự kiện chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng tổ chức sự kiện của Nhà trường, qua đó, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự trong công tác truyền thông và tổ chức sự kiện.

7. BỘ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2016-2020 (KPIs)

STT	CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ	NĂM 2011	NĂM 2013	NĂM 2015	NĂM 2020 (định hướng)
1	Quy mô hệ đại học chính quy	14311	14850	15200	15000
2	Quy mô hệ cao đẳng chính quy	-	-	-	-
3	Tỷ lệ hệ vừa làm vừa học/ Đại học chính quy	50%	45%	43%	40%
4	Tỷ lệ Sau đại học/ Đại học chính quy	14%	16%	18%	20%
5	Số lượng chương trình đào tạo được đánh giá ngoài nội bộ	1	1	1	2 (tổng tích lũy 18)
6	Số lượng chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn AUN-QA và các chuẩn nghề nghiệp khác	1	1	1	1 (tổng tích lũy 10)
7	Số lần đơn vị đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn Bộ GD-ĐT và AUN	0	0	0	2
8	Số lượng bài báo công bố khoa học ISI/năm	1	1	1	3
9	Tổng giá trị dự án quốc tế so với giai đoạn 2011-2015 (lần)	1	1,2	1,4	2
10	Phần trăm diện tích đất được giải toả, đền bù (thu hồi)	40%	47%	60%	100%
11	Khối lượng xây dựng/ Tổng khối lượng Dự án xây dựng ĐHQG (diện tích sàn tính trên khối học tập, nghiên cứu và làm việc)	16,7%	16,7%	28%	100%
12	Tỷ lệ sinh viên chính quy/ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu cơ hữu	23:1	22,5:1	22:1	20:1
13	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu, nghiên cứu viên có học vị Tiến sĩ/ Tổng số giảng viên cơ hữu	30,43% (150/493)	34% (174/511)	40,07% (226/564)	60%
14	Tỷ lệ tăng doanh thu chuyển giao công nghệ/ năm (%)	1,13%	38%	10%	30%